

Bản án số: 35/2022/HSST.  
Ngày: 28/3/2022.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chinh;

*Thẩm phán:* Bà Lê Thị Hiệu;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Mai Hoa;

Ông Lê Hữu Tới;

Ông Lê Công Quyền.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Xuân Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Ông Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân (sau đây gọi tắt là TAND) tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2022/TLST-HS này 27 tháng 01 năm 2022 đối với:

***Bị cáo:*** Đoàn Thị L (tên gọi khác Đoàn Thị Lợi), sinh năm 1965 tại xã A, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; ĐKKHKT và chỗ ở: Số nhà 11 ngõ MĐ, đường THĐ, phường NN, thành phố Thanh Hóa; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 03/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Đoàn Bá T và bà: Phạm Thị K (đều đã chết); chồng là: Phạm Văn Đ (đã chết), có 03 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam 08/4/2021 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

***Người bào chữa cho bị cáo:*** Luật sư Phạm B - Văn Phòng luật sư K - Đoàn Luật sư Thanh Hóa.

***2. Người bị hại:*** Bà Ngô Thị L, sinh năm 1968 và ông Thiệu Đình H, sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Thanh Hóa.

***3. Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Nguyễn Thị CH, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 5, Trại giam LS, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

**4. Người làm chứng:**

+ Ông Lê Cao C, sinh năm 1955 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

+ Ông Lê Đình D, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Phố 1 phường F, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

+ Bà Lê Thị LA, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Chung cư P, phường I, Quận R, thành phố Hà Nội

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Năm 2014, gia đình bà Ngô Thị L, ông Thiệu Đình H trú tại: Thôn U, xã T, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa có con trai là Thiệu VL đã tốt nghiệp Đại học Bách khoa nhưng chưa xin được việc làm. Thông qua mối quan hệ xã hội, gia đình ông H được ông Lê Cao C, sinh năm 1955, ở thôn 5, thị trấn TH, huyện TH giới thiệu và dẫn xuống gặp Đoàn Thị L, sinh năm 1965, ở số nhà 11, ngõ MĐ, phường NN, thành phố Thanh Hóa đề nhờ xin việc cho cháu VL.

Khi ông H và ông C đến nhà gặp L, qua trao đổi L nói có mối quan hệ xin được một xuất vào Cảnh sát Cơ động ngành Công an nhân dân, nếu muốn làm Cảnh sát cơ động ở Bộ Công an thì chi phí hết 400.000.000đ, còn nếu làm Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Thanh Hóa thì chi phí hết 500.000.000đ, gia đình đồng ý thì nộp trước 10.000.000đ để đặt cọc. Nghe nói vậy, ông H đồng ý nhờ L xin cho cháu Thiệu VL vào Cảnh sát Cơ động Công an tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 02/11/2014, ông H cùng ông C đến nhà Đoàn Thị L để đưa tiền đặt cọc, ban đầu do chưa quen biết L nên ông H đã giao cho ông C 10.000.000 đ theo yêu cầu của L, nhận tiền từ ông H, ông C đã giao lại cho Đoàn Thị L, L đã viết giấy nhận 10.000.000đ từ ông C.

Sau khi nhận tiền đặt cọc của gia đình ông H, ngày 15/01/2015, Đoàn Thị L đưa Thiệu VL đi khám sức khỏe tại Bệnh viện 19/8 Bộ Công an, sau đó yêu cầu gia đình ông H giao tiếp số tiền 100.000.000đ. Ngày 17/11/2014, tại nhà anh Lê Đình D ở thôn 1, xã LA, TP. Thanh Hóa gia đình ông H đã trực tiếp giao cho L 100.000.000đ, L giao cho 02 bộ hồ sơ xin việc gồm (lý lịch tự khai, thẩm tra lý lịch mẫu 1a, 1b-BCA(X18)-2009 của Bộ Công an).

Cuối tháng 12/2014, có người tên Hùng giới thiệu là Công an huyện TH về xã Thiệu Công thẩm tra lý lịch cho cháu VL, cùng thời điểm này, gia đình ông H giao thêm số tiền 290.000.000đ theo yêu cầu của L (tại nhà anh Dũng).

Đến tháng 01/2015, Đoàn Thị L yêu cầu ông H giao tiếp số tiền 100.000.000đ để nhận Quyết định cho cháu VL đi làm. Sau khi nhận đủ số tiền 500.000.000đ nhưng vẫn không có quyết định, ông H nhiều lần hỏi thì Đoàn Thị L nói vì cháu VL chưa qua lớp nghiệp vụ Công an nên gia đình phải đưa thêm 50.000.000đ để cho cháu VL đi học lớp nghiệp vụ và 30.000.000đ để L làm quà cho Lãnh đạo lấy được quyết định nhanh.

Theo yêu cầu của L, vào giữa năm 2015 cháu VL trực tiếp mang số tiền 30.000.000đ đến đưa cho L để làm quà biếu sinh nhật cho lãnh đạo Bộ Công an.

Tiếp đến ngày 16/8/2015 bà Ngô Thị L trực tiếp mang số tiền 50.000.000đ đến đưa cho L, đồng thời tại đây, bà LC yêu cầu Đoàn Thị L viết giấy nhận tiền, với nội dung nhận xin việc cho cháu VL vào Cảnh sát Cơ động Công an tỉnh Thanh Hóa, tổng số tiền bà L đã nhận là 580.000.000đ (BL58), toàn bộ các giấy vay tiền trước đây bà LC giao lại cho L. Đến hẹn, không thấy cháu VL có quyết định đi làm, gia đình ông H, bà LC nhiều lần đến gặp yêu cầu L trả lại tiền nhưng L không trả mà đưa ra nhiều lý do. Ngày 13/10/2018, Đoàn Thị L viết giấy cam đoan hẹn trong tháng 10/2018 sẽ trả lại toàn bộ số tiền cho gia đình ông H, nhưng vẫn không trả.

Ngoài các tài liệu trên gia đình ông Thiệu Đình H còn cung cấp cho Cơ quan điều tra 22 file ghi âm cuộc hội thoại giữa ông H và Đoàn Thị L.

*Ngày 14/7/2020, tại bản giám định số 1891/PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:*

Tất cả các chữ viết và chữ ký trên giấy nhận tiền và giấy cam đoan ( ký hiệu từ A1 - A4) là do Đoàn Thị L viết và ký.

*Ngày 17/6/2020, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:*

22 tập âm thanh lưu trong đĩa CD-R nhãn hiệu NEO không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tập tin âm thanh cần giám định.

+ Tiếng nói của người đàn ông xưng là “H” và được gọi là “anh” trong tập tin âm thanh lưu trong đĩa CD-R ký hiệu A1 cần giám định (ký hiệu là “Hoang” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Thiệu Đình H trong mẫu so sánh là của cùng một người.

+ Tiếng nói của người phụ nữ tự xưng là “em” và được gọi là chị trong tập tin âm thanh lưu trong đĩa CD-R ký hiệu A1 cần giám định (ký hiệu là “L” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Đoàn Thị L trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Tại Cơ quan điều tra, Đoàn Thị L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị can phù hợp với lời khai người bị hại và các tài liệu khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, L khai toàn bộ số tiền nhận của gia đình bà LC, L đã chuyển cho Nguyễn Thị CH, sinh năm 1974, ở xã QL, huyện HL để nhờ xin việc cho

cháu VL. Ngoài ra, Đoàn Thị L còn cung cấp cho Cơ quan điều tra 03 giấy vay tiền giữa L và C.

Theo Đoàn Thị L khai, chị Nguyễn Thị CH là người đã nhận số tiền 580.000.000đ xin việc cho cháu VL, nhưng tất cả các giấy tờ L cung cấp là giấy vay tiền không ghi rõ nội dung; đối với giấy giao nhận số tiền 240.000.000đ ngày 12/8/2015 giữa C và L có nội dung: “*Em LA trả nợ cho chị C số tiền 240.000.000đồng, số tiền này chị C nhận từ L chuyển tiền từ chỗ cháu VL sang*” không thể hiện rõ C nhận 240.000.000đ để xin việc cho cháu VL (BL); nội dung file ghi âm chị C giao nộp cho cơ quan điều tra không thể hiện rõ chị C nhận 240.000.000đ là tiền gì.

Mặt khác, theo L khai sau khi nhận tiền của gia đình bà LC, L đã giao lại luôn cho chị C, nhưng thời gian trên các giấy vay tiền không phù hợp với thời gian giao tiền giữa gia đình bà LC với L.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị CH chỉ thừa nhận có vay của Đoàn Thị L số tiền 240.000.000đ, hiện nay đã trả được 130.000.000đ, không thừa nhận việc nhận tiền của L để xin việc cho Thiệu VL, giấy nhận số tiền 240.000.000đ ngày 12/8/2015 và giấy cam kết ngày 25/02/2016 là do Đoàn Thị L đọc cho chị C viết. Do đó không đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Thị CH.

Đối với, ông Lê Cao C là người giới thiệu và dẫn ông Thiệu Đình Hên gặp Đoàn Thị L để nhờ xin việc cho cháu VL, đồng thời ông C đã nhận 10.000.000đ tiền đặt cọc của ông H, nhưng sau khi nhận số tiền này ông C đã giao lại cho L, việc L có hành vi gian dối, lừa đảo chiếm đoạt tiền của gia đình ông H, ông C không biết và cũng không được L cho khoản tiền gì nên không có căn cứ xử lý đối với ông Lê Cao C.

Đối với hồ sơ thẩm tra lý lịch của Thiệu VL, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Công an xã Thiệu Công và Công an xã Thiệu Thành huyện TH, kết quả: Trong hồ sơ lưu trữ tại công an hai xã này không có tài liệu nào phản ánh nội dung cuối năm 2014, đầu năm 2015 Công an huyện TH liên hệ, thẩm tra lý lịch vào ngành Công an đối với anh Thiệu VL, anh Trịnh Quang Hùng hay anh Lê Duy Hùng đều khẳng định không tiến hành thẩm tra lý lịch cho Thiệu VL nên không có căn cứ để xử lý.

***Tại cáo trạng số 12/CT-VKS-P3 ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Thanh Hóa đã Quyết định:***

Truy tố Đoàn Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

***Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16/12/2021***, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định số 21/2021/HSST-QĐ trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung với nội dung:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như: Giấy cộng dồn số tiền do Nguyễn Thị CH viết ngày 10/8/2015 thể hiện C nhận của L là 240.000.000đ có

ghi: “*số tiền của cháu VL*” (BL52); Giấy do Nguyễn Thị CH viết ngày 12/8/2015, có nội dung LA đã trả nợ cho C 240.000.000đ có ghi: “*Số tiền này C nhận từ chị L chuyển tiền từ chỗ cháu VL sang*” (BL50); Giấy cam kết do Nguyễn Thị CH viết ngày 25/2/2016 có ghi: “... *cam kết sẽ làm thủ tục lấy Quyết định cho cháu VL đúng ngày 20/3/2016 ...*” (BL49); Lời khai của Lê Thị LA, địa chỉ: Phòng J, tầng 10, Số 360 GP, quận TX, thành phố Hà Nội (BL151-159); căn cứ kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa.

Xét thấy: Có dấu hiệu bỏ lọt đồng phạm đối với Nguyễn Thị CH trong vụ án “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa thực hiện điều tra bổ sung:

- + Làm rõ số tiền thực tế Nguyễn Thị CH đã nhận của Đoàn Thị L;
- + Tiến hành đối chất giữa Nguyễn Thị CH, Đoàn Thị L và Lê Thị LA để làm rõ nội dung trao đổi giữa Đoàn Thị L với Lê Thị LA và trao đổi giữa Lê Thị LA với Nguyễn Thị CH để sau đó Lê Thị LA viết giấy nhận nợ số tiền 240.000.000đ với Đoàn Thị L ngày 20/9/2015./.

***Tại Kết luận điều tra bổ sung số 19/BKL-VPCQCSĐT ngày 24/01/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:***

Không có căn cứ xác định các khoản tiền mà Đoàn Thị L giao cho Nguyễn Thị CH là tiền xin việc cho cháu VL. Giữ nguyên nội dung, diễn biến vụ án, hành vi phạm tội của bị can Đoàn Thị L theo Kết luận điều tra số 183/VPCQCSĐT ngày 24/01/2022 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa.

***Tại Văn bản trả lời số 09/VKS-P3 ngày 27/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa gửi Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa:***

Giữ nguyên Cáo trạng số 12/CT-VKS-P3 ngày 18/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố đối với Đoàn Thị L.

***Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay***, Kiểm sát viên VKSND tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Thị L từ 08 đến 09 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự gia đình bị cáo đã bồi thường cho ông H, bà LC được 70.000.000đ, số tiền còn lại gia đình bị hại không yêu cầu trong vụ án này nên không giải quyết.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh, mức hình phạt cũng như về trách nhiệm dân sự mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo. Về hành vi của Nguyễn Thị CH có dấu hiệu đồng phạm, đề nghị Hội đồng xem xét theo quy định.

Lời sau cùng bị cáo nhận tội, xin lỗi gia đình bị hại, xin giảm nhẹ hình phạt để mau chóng được trở về với gia đình.

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra truy tố, các quyết định tố tụng và hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đoàn Thị L, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại, thắc mắc về các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Do đó các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ là hoàn toàn hợp pháp.

[2] Về xác định hành vi phạm tội của bị cáo Đoàn Thị L: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai bị hại, những người làm chứng và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở kết luận:

Mặc dù không có chức năng tuyển dụng nhân sự cho lực lượng Công an, nhưng năm 2014 bị cáo Đoàn Thị L đã có hành vi gian dối, hứa hẹn xin cho cháu Thiệu VL (con trai của ông Thiệu Đình H, bà Nguyễn Thị LC) vào lực lượng Cảnh sát cơ động tỉnh Thanh Hóa với chi phí 500.000.000đ. Để tạo niềm tin cho gia đình bà LC, bị cáo đã đưa cháu VL đến Bệnh viện 19/8 của Bộ Công an khám sức khỏe, nhưng thực chất chỉ là khám bệnh thông thường, bị cáo còn đưa hồ sơ xin việc theo mẫu của Bộ công an cho gia đình ông H viết để đưa cho bị cáo. Kể từ ngày 02/11/2014 đến ngày 16/8/2015, Đoàn Thị L đã nhận của gia đình bà ông H, bà LC 07 lần với tổng số tiền là 580.000.000đ. Sau nhiều lần hứa hẹn, cam kết nhưng không có Quyết định tuyển dụng cho cháu VL, bị cáo không hoàn trả lại tiền cho gia đình ông H, bà LC. Sau khi gia đình bị hại có đơn tố cáo và bị truy tố ra trước Tòa án, cho đến ngày 18/10/2021 gia đình bị cáo mới khắc phục trả lại cho gia đình ông H, bà LC được 20.000.000đ.

Với hành vi nêu trên, bị cáo Đoàn Thị L phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự như VKSND tỉnh Thanh Hóa truy tố đối là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Quá trình điều tra bị cáo khai sau khi lấy được tiền của gia đình ông H, bà LC bị cáo đã đưa hết toàn bộ cho Nguyễn Thị CH ở xã QL, huyện HL, tỉnh Thanh Hóa để bà C lo việc cho cháu VL, mọi việc bị cáo làm đều theo sự hướng dẫn của C. Tuy nhiên Nguyễn Thị CH không thừa nhận việc nhận tiền của L để xin việc cho cháu VL mà C chỉ vay tiền của L.

Tại Quyết định số 21/2021/HSST-QĐ ngày 16/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã trả hồ sơ cho VKSND tỉnh Thanh Hóa, yêu cầu điều tra bổ sung với nội dung:

- + Làm rõ số tiền thực tế Nguyễn Thị CH đã nhận của Đoàn Thị L;
- + Tiến hành đối chất giữa Nguyễn Thị CH, Đoàn Thị L và Lê Thị LA để làm rõ nội dung trao đổi giữa Đoàn Thị L với Lê Thị LA và trao đổi giữa Lê Thị LA với

Nguyễn Thị CH, sau đó Lê Thị LA viết giấy nhận nợ số tiền 240.000.000đ với Đoàn Thị L ngày 20/9/2015 (BL 341)

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

+ Trong tháng 2/2015, C có vay của L 03 lần tiền, đến ngày 10/8/2015, C viết cộng dồn tất cả số tiền C nhận của L là 240.000.000đ, giấy cộng dồn có ghi “*Số tiền của cháu VL*”, theo C khai khi cho C vay L có nói cho C biết số tiền này L nhận để lo việc cho cháu VL nên L yêu cầu C viết như vậy để nhớ, sau đó đến ngày 22/2/2017 C viết lại giấy vay tiền thì tờ giấy này đã bị gạch xóa (BL51, 52), tại phiên tòa L và C đều thống nhất giấy vay tiền ngày 22/7/2017 là nhắc lại giấy vay ngày 10/8/2015;

+ Tại giấy viết tay ngày 12/8/2015 do C viết có nội dung “*Em LA đã trả nợ cho chị C số tiền 240.000.000đ, số tiền này C nhận của chị L chuyển từ chỗ cháu VL sang*”, theo C khai do C vay của L 240.000.000đ đưa cho LA vay nên C đã thống nhất LA có trách nhiệm trả tiền cho L, nhưng sau đó L không đồng ý nên tờ giấy này C viết xong không đưa cho ai cả (BL50).

Về nội dung này, Lê Thị LA có lời khai ban đầu thể hiện khoảng năm 2014 LA có nợ của C trên 300 triệu đồng, đến gần ngày 20/9/2015 C có gọi điện thoại cho LA nói C đang nợ 240 triệu là tiền L đưa cho C để xin việc cho một người khác. L cũng nói với LA nếu trả tiền cho C thì giữ lại 240 triệu giúp L. Cả ba thống nhất gạt số tiền 240 triệu C nhận của L sang LA, do vậy ngày 20/9/2015 LA có viết giấy vay tiền giao cho C để C giải quyết với L. Việc trao đổi chỉ qua điện thoại, LA không biết, không liên quan đến việc nhận tiền xin việc giữa L và C. Một thời gian sau L không đồng ý để LA đứng ra trả vì LA ở xa không tiện giao dịch, ai nợ thì người đó trả nên giấy vay tiền đó không còn giá trị, sau đó LA đã trả hết nợ cho C từ năm 2017 (BL152-159). Tuy nhiên quá trình điều tra bổ sung, LA khẳng định C không nói với LA việc C nhận tiền của L để xin việc cho cháu VL mà C chỉ vay tiền của L, sở dĩ trước đây LA có khai như vậy là do đã nhầm lẫn giữa lời nói của L nhưng lại nhớ sang lời nói của C (BL366-368);

+ Đối với Giấy cam kết do Nguyễn Thị CH viết ngày 25/2/2016 có ghi: “... *Xin cam kết sẽ làm thủ tục lấy Quyết định cho cháu VL đúng ngày 20/3/2016 sẽ có nếu sai tôi xin xin hoàn toàn trách nhiệm...(với điều kiện gia đình cháu phải lo đủ số tiền kinh phí thỏa thuận)*” (BL49), C khai do C quần bách do nợ nần nhiều và nợ tiền của L chưa trả được nên L yêu cầu C viết như vậy, L hứa khi được việc sẽ cho C một số tiền.

+ Ngoài ra C còn có giấy viết tay thể hiện: Ngày 03/11/2015, C vay L 30.000.000đ và 130.000.000đ và ngày 9/10/2015 C vay L 20.000.000đ, tuy nhiên giấy vay này không có nội dung gì liên quan đến việc nhận tiền xin việc cho cháu VL (BL49).

Với các chứng cứ nêu trên chưa đủ cơ sở xác định C nhận tiền của L để xin việc cho cháu VL. Mặt khác, trong quá trình điều tra, L khai việc L đưa tiền cho C để

xin việc cho cháu VL có hai người chứng kiến gồm: Ngày 12/8/2015 L đưa cho C 240.000.000đ tại nhà ông Lê Đình D (giấy vay tiền ngày 12/8/2015), nhưng ông Lê Đình D khẳng định ông không chứng kiến việc L đưa tiền cho C tại nhà mình; ngày 03/11/2015 L đưa cho C 100.000.000đ cũng tại nhà ông Lê Đình D, có ông Lê Cao C chứng kiến (lúc ông Dũng đi mua rượu), tuy nhiên ông Lê Cao C cũng khẳng định ông không chứng kiến việc L giao tiền cho C tại nhà ông Dũng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16/12/2021, L khai có lần L cùng vợ chồng ông H xuống nhà C ở HL nhưng không gặp, L đã dẫn vợ chồng ông H đến nhà ông Thông anh trai của C, tại đây ông Thông gọi điện thì C bắt máy và C đã đứng ra khát nợ. Tuy nhiên, theo ông H, bà LC thì năm 2017 L có đưa ông bà đến nhà ông bác nào đó, nhưng chỉ ngồi uống nước, ông bà không được nói chuyện với C.

Như vậy, trong vụ án này Lê Thị LA chỉ nghe qua điện thoại, không được trực tiếp chứng kiến việc trao đổi thỏa thuận giữa L và C về số tiền 240.000.000đ là tiền C nhận của L để xin việc cho cháu VL, các nhân chứng Lê Đình D, Lê Cao C trước sau đều khẳng định không lần nào chứng kiến việc L giao tiền cho C để xin việc cho cháu VL, do đó không đủ cơ sở xác định Nguyễn Thị CH là đồng phạm với Đoàn Thị L trong vụ án nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa không khởi tố đối với Nguyễn Thị CH.

[3] Tính chất của vụ án: Thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo Đoàn Thị L thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh, coi thường pháp luật, không chỉ trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, đẩy người bị hại vào tình trạng không chỉ tổn hại về kinh tế mà còn hoang mang lo lắng về tinh thần và gây mất trật tự trị an chung cho xã hội, vì vậy cần phải bị xử phạt nghiêm minh.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ và trách nhiệm hình sự của bị cáo: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo; ngày 18/10/2021 gia đình bị cáo đã khắc phục cho gia đình bị hại được 20.000.000đ và đến trước phiên tòa sơ thẩm ngày 27/3/2022 gia đình bị cáo bồi thường thêm được 50.000.000đ. Số tiền còn lại 510.000.000đ gia đình ông H, bà LC không yêu cầu Tòa án giải quyết luôn trong vụ án này mà để các bên tự thỏa thuận giải quyết, đồng thời ông H, bà LC có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó khi quyết định hình phạt, bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ mức độ hành vi và hậu quả của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm có căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất dưới khung hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên, như vậy cũng đủ điều kiện để cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp gây thiệt hại cho gia đình bà Nguyễn Thị LC, ông Thiệu Đình H số tiền 580.000.000đ, gia đình bị cáo đã bồi thường được 70.000.000.000đ, số tiền còn lại gia đình bị hại không yêu cầu giải quyết luôn trong vụ án này, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét.



[6] Đối với quan hệ vay mượn giữa bị cáo Đoàn Thị L và Nguyễn Thị CH, bị cáo được quyền yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Tuyên bố:** Bị cáo Đoàn Thị L phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Thị L 09 (Chín) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 08/4/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận gia đình bị cáo Đoàn Thị L đã bồi thường cho gia đình ông Thiệu Đình H, bà Ngô Thị L được số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Chấp nhận sự tự nguyện của gia đình ông H, bà LC không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền còn lại trong cùng vụ án hình sự. Ông H, bà LC được quyền thỏa thuận giải quyết với bị cáo Đoàn Thị L, hoặc khởi kiện trong vụ án dân sự khác.

3. Về án phí: Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, gia đình bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

### **Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP, Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Chinh**



[6] Xử lý tang vật: Chiếc xe ô tô Mercedes- Benz, BKS 30A- 775.28 là tài sản của Công ty TNHH Ngô Minh, anh H Ngọc Dương đã tự nguyện giao nộp và ngày 23/10/2018 CQCSĐT đã giao trả lại cho Công ty Ngô Minh là đúng.

Chiếc điện thoại di động Nokia màu đen do bị cáo Nguyễn Lê Giang tự nguyện giao nộp ngày 05/10/2018 không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 73.000.000đ do chị Lưu Đề Ly tự nguyện nộp ngày 23/10/2018, mục đích để khắc phục thêm cho anh H Ngọc Dương, do đó anh Dương được quyền liên hệ với Cơ quan Thi hành án để nhận tiền.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**-Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Lê Giang phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

**Áp dụng:** khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Lê Giang 12 (mười hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 03/10/2018.

**-Trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585; Điều 589; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Lê Giang bồi thường thiệt hại cho bị hại và các nguyên đơn dân sự tổng số tiền là: 1.136.000.000đ (*Một tỷ một trăm ba sáu triệu đồng*) bao gồm:

+ Trả cho chị Lưu Đề Ly số tiền là: 435.000.000đ (*Bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng*);

+ Trả cho Công ty TNHH Ngô Minh số tiền là: 174.000.000đ (*Một trăm bảy mươi tư triệu đồng*);

+ Trả cho ông H Ngọc Dương số tiền là: 527.000.000đ (*Năm trăm hai mươi bảy triệu đồng*).

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người có quyền yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo*

*quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**-Xử lý tang vật:** Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Ông H Ngọc Dương được nhận số tiền 73.000.000đ do chị Lưu Đề Ly giao nộp, số tiền hiện đang tạm giữ trong tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa tại Kho bạc nhà nước Thanh Hóa, theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 16/01/2019, do PC01 - Công an Thanh Hóa nộp.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Lê Giang 01 điện thoại di động Nokia cũ màu đen, Model TA-1030, kèm 01 sim, tang vật hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo Biên bản giao nhận vật chứng số 34/2019/TV-CTHADS ngày 16/01/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;

- Về án phí: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sơ thẩm và 46.800.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo và ông H Ngọc Dương được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Lưu Đề Ly và Công ty TNHH Ngô Minh được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo; Bị hại; NĐDS;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP, Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Chinh**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi giờ      giờ ngày 21 tháng 3 năm 2019.

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

***Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thuyết;

Ông Lê Quang Vinh.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/HSST ngày 17/1//2019 đối với bị cáo: Nguyễn Lê Giang, sinh năm 1985; ĐKKHTT và chỗ ở: SN 72 Trần Cao vân, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự.

*Căn cứ Điều 229 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;*

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM ĐÃ THẢO LUẬN,  
BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ  
CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

***1. Về tội danh:*** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Lê Giang phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Biểu quyết: 3/3.

***2. Về điều luật áp dụng:*** khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Biểu quyết: 3/3.

***3. Về hình phạt:*** Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Giang 12 (mười hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 03/10/2018.

Biểu quyết: 3/3.

***4. Về xử lý vật chứng:*** Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Ông H Ngọc Dương được nhận số tiền 73.000.000đ do chị Lưu Đề Ly giao nộp, số tiền hiện đang tạm giữ trong tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa tại Kho bạc nhà nước Thanh Hóa, theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 16/01/2019, do PC01 - Công an Thanh Hóa nộp.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Lê Giang 01 điện thoại di động Nokia cũ màu đen, Model TA-1030, kèm 01 sim, tang vật hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo Biên bản giao nhận vật chứng số 34/2019/TV-CTHADS ngày

16/01/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh thanh Hóa và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;

Biểu quyết: 3/3.

**5. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585; Điều 589; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Lê Giang bồi thường thiệt hại cho bị hại và các nguyên đơn dân sự tổng số tiền là: 1.136.000.000đ (*Một tỷ một trăm ba sáu triệu đồng*) bao gồm:

+ Trả cho chị Lưu Đê Ly số tiền là: 435.000.000đ (*Bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng*);

+ Trả cho Công ty TNHH Ngô Minh số tiền là: 174.000.000đ (*Một trăm bảy mươi tư triệu đồng*);

+ Trả cho ông H Ngọc Dương số tiền là: 527.000.000đ (*Năm trăm hai mươi bảy triệu đồng*).

**6. Về án phí:** Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sơ thẩm và 46.800.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Biểu quyết: 3/3.

Biên bản nghị án đã đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm nghe và thống nhất ký tên./.

#### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thuyết**

**Lê Quang Vinh**

**Nguyễn Thị Chinh**